TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST **Ngày: 09/02/2026** ***V/v: Ly hôn***	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- BẮC NINH**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Lệ**
- *Các hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Ông **Bùi Quang Hợi**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thao -** Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Bắc Ninh tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết-** Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6-Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1980;

HKTT: Thôn Nguộn A, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh. CCCD: 024080003834. (Vắng mặt. Đề nghị xét xử vắng mặt).

Ủy quyền cho **Công ty Luật TNHH Tân Long Thắng**; địa chỉ trụ sở: 1628/4/2 Tỉnh lộ 10, phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật, ông **Vũ Văn Xuyên-** Chức vụ: Giám đốc (về việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con, chia tài sản chung – nếu có). Vắng mặt.

* Bị đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1984;

HKTT: Khu Thị Cầu 7, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 51, Phân trại số 1 - Trại giam Hoàng Tiến - Cục 10 - Bộ Công an. Vắng mặt. Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn, ông Nguyễn Đức T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị C đăng ký kết hôn ngày 22/8/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Ông và bà C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Cuộc sống vợ chồng những năm đầu hạnh phúc. Nhưng những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, do không tìm được tiếng nói chung. Hiện bà C đang chấp hành án tại Đội 51, Phân trại số 1 - Trại giam Hoàng Tiến - Cục 10 - Bộ Công an. Nhận thấy không còn tình cảm gì với bà C nên ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung là cháu Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 17/6/2009; cháu Nguyễn Hà An, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Đức Khang, sinh ngày 10/7/2020. Ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông tự nguyện chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/01/2026 tại Trạm giam Hoàng Tiến-Cục 10-Bộ công an, bà Trần Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức T kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Bên cạnh đó do bà đang chấp hành án nên ông T sợ ảnh hưởng đến bản thân và gia đình nên đã làm đơn xin ly hôn bà. Bà nhận thấy bản thân không còn tình cảm gì với ông T nên bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung là cháu Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 17/6/2009; cháu Nguyễn Hà An, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Đức Khang, sinh ngày 10/7/2020. Bà đồng ý giao ba con chung cho ông T trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Khi nào chấp hành án xong, bà sẽ bàn bạc lại với ông T về việc nuôi con chung sau.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Do bà đang chấp hành án, không thể đến tòa án làm việc được nên bà đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt, cho bà được vắng mặt tại các phiên họp xét chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử của tòa.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện và tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T được ly hôn bà Trần Thị C.

+ Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 17/6/2009; Nguyễn Hà An, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Đức Khang, sinh ngày 10/7/2020 cho ông T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn Đức T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6-Bắc Ninh giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị C, cư trú tại phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 6- Bắc Ninh thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn" là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt. Xét thấy nguyên đơn, bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông T và bà C đều xác định, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình dẫn tới

cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, các bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Sau đó, vì bà C vi phạm pháp luật hình sự nên phải chấp hành án, do đó vợ chồng không còn chung sống với nhau đã được một thời gian, tình cảm nguội lạnh dần. Cả ông T và bà C đều xác định, không còn tình cảm gì với nhau nên ông T xin ly hôn, bà C đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để các đương sự hòa giải đoàn tụ gia đình. Đối với nguyên đơn, mặc dù đã được giải thích, thuyết phục nhiều lần nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bị đơn cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó việc ông T xin ly hôn bà C là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:* Ông T bà C đều xác định ông bà có 03 con chung là Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 17/6/2009; Nguyễn Hà An, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Đức Khang, sinh ngày 10/7/2020. Các đương sự thống nhất giao ba con chung cho ông T trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Sự thống nhất này của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các con chung trên 7 tuổi (có nguyện vọng được ở với bố), đồng thời hiện bà C đang bị hạn chế về khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo lợi ích của các con chung, cần giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Ông T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 235, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Đức T về việc "Ly hôn".

Ông Nguyễn Đức T được ly hôn bà Trần Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 17/6/2009; Nguyễn Hà An, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Đức Khang, sinh ngày 10/7/20203 cho ông T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Do ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp; theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí: Ký hiệu: BLTU/25E; Số: 0003758 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. (Ông T đã nộp đủ tiền án phí theo quy định).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Lệ

*** Nơi nhận:**
- VKSND KV6-Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS KV6-Bắc Ninh;
- UBND phường Vũ Ninh
- Các đương sự;
- Lưu